TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HSST
Ngày 15 tháng 01 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật và bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H tham gia phiên tòa: Ông Tạ Hoàng Minh Thế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 138/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo: Nguyễn Văn H, sinh năm 1995; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1973 và bà: Trịnh Thị T1, sinh năm 1976; Vợ: Đỗ Thị T2, sinh năm 1995; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị tạm giữ từ ngày 06/10/2023 đến ngày 12/10/2023 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

***2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

2.1. Anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2.2. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2.3. Anh Nguyễn Việt A, sinh ngày 25/4/2006; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh H. (vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Việt A: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1984, địa chỉ: thôn T xã T, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

3. Người làm chứng:

3.1. Anh Bùi Quang H1, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh H; (vắng mặt)

3.2. Anh Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 09/11/2005; (vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Hoàng L: Bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1990; đều có địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

3.3. Chị Đỗ Thị T2, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh H; (có mặt)

3.4. Ông Nguyễn Cao L1, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh H; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 40 phút ngày 06/10/2023, tại cửa hàng vàng bạc TĐ có địa chỉ thôn B, xã Y, huyện Y, Công an huyện Y kiểm tra, phát hiện: Nguyễn Văn H và cháu Nguyễn Việt A sinh ngày 25/4/2006; cháu Nguyễn Hoàng L sinh ngày 09/11/2005 đang giao dịch cho vay lãi nặng. Cụ thể: H, cháu Việt A, cháu L đều trình bày: cháu Việt A và cháu L vừa trả cho H tổng số tiền 10.250.000đồng (gồm cả tiền gốc và tiền lãi) của khoản vay 10.000.000đồng với lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày để chuộc lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đen xám, biển số 89B1 - 915.04 đã cầm cố ngày 01/8/2023 trước đó. Công an huyện Y đã lập biên bản vụ việc, thu giữ vật chứng gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xám đen, biển số 89B1 - 915.04; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 giấy bán xe, đề ngày 01/8/2023 và số tiền 10.250.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn H tại thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh H, kết quả thu tại ngăn kéo tủ kính của nhà H: 05 tờ giấy bán xe chưa ghi nội dung; 01 quyển sổ tay kích thước (13 x 8,5) cm bên trong có ghi các chữ và số tự nhiên.

Cùng ngày 06/10/2023, Nguyễn Văn H đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đầu thú và tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu vàng, bên trong có lắp 01 thẻ sim, được niêm phong, ký hiệu là ĐT1. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn H đã khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như sau:

Bản thân H là chủ cửa hàng vàng bạc TĐ có địa chỉ tại thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh H. Quá trình kinh doanh vàng bạc, có một số người đến hỏi vay tiền H. Do muốn thu lợi bất chính từ việc cho vay tiền nên H đã cho một số người vay tiền với số tiền lãi là 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày và

5.000đồng/1.000.000đồng/ngày (tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm và 182,5%/năm). Cụ thể như sau:

** Đối với khoản tiền H cho anh Nguyễn Đình Th vay:*

Ngày 31/7/2020, anh Th đến cửa hàng của H để hỏi vay số tiền 10.000.000đồng thì H đồng ý. H và anh Th thoả thuận tiền lãi của khoản vay này là 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày (tương đương với mức lãi suất 109,5%/năm), trả lãi theo tháng (01 kỳ lãi = 01 tháng) vào ngày cuối cùng của tháng, cắt lãi trước kỳ đầu nên H đã đưa cho anh Th 9.100.000 đồng. Anh Th không phải viết giấy vay nợ, không phải cầm cố tài sản. H ghi thông tin của khoản vay này vào quyển sổ tay kích thước (13 x 8,5) cm để theo dõi. Đến ngày 31/01/2023, anh Th đã trả cho H số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và tổng số tiền lãi là 27.000.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày 31/01/2023 anh Th đã vay của H là 915 ngày, số tiền lãi tối đa H được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (lãi suất tối đa là 20%/năm) là 20% x 10.000.000đồng : 365 x 915 = 5.013.697 đồng. H đã thu lợi bất chính số tiền là 27.000.000 - 5.013.697 = **21.986.303 đồng**.

** Đối với khoản tiền H cho anh Nguyễn Đình T vay:*

Ngày 23/01/2021, anh T đến cửa hàng của H để hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng thì H đồng ý. H và anh T thoả thuận tiền lãi của khoản vay này là 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày (tương đương lãi suất 109,5%/năm), trả lãi theo tháng (01 kỳ lãi = 01 tháng) vào ngày 23 hàng tháng, cắt lãi trước kỳ đầu nên H đã đưa cho anh T 9.100.000 đồng. Anh T không phải viết giấy vay nợ mà cầm cố giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu trắng, biển số 89F1-145.77 của mình cho H. H ghi thông tin của khoản vay này vào quyển sổ tay kích thước (13x8,5) cm để theo dõi. Đến ngày 23/01/2023, anh T đã trả cho H số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và tổng số tiền lãi là 21.600.000 đồng nên H đã trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên cho anh T. Như vậy, tính đến ngày 23/01/2023, anh T vay của H là 731 ngày, số tiền lãi tối đa H được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (lãi suất tối đa là 20%/năm) là 20% x 10.000.000đồng : 365 x 731 = 4.005.478 đồng. H đã thu lợi bất chính số tiền là 21.600.000 – 4.005.478 = **17.594.522 đồng**.

** Đối với khoản H cho cháu Nguyễn Việt A vay:*

Ngày 01/8/2023, cháu Việt A và cháu L đến cửa hàng vàng bạc TĐ của H để hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng và cầm cố lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đen xám, biển số 89B1-915.04 thì H đồng ý. H và cháu Việt A thoả thuận tiền lãi của khoản vay này là 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày (tương đương lãi suất 182,5%/năm), trả lãi theo tháng (01 kỳ lãi = 01 tháng) vào ngày 01 hàng tháng, cắt lãi trước kỳ đầu. Lúc này, H đang bận nghe điện thoại

nên đã nói với vợ là chị Đỗ Thị T2 là đã mua chiếc xe trên và nhờ chị T2 viết giấy bán xe theo Giấy chứng nhận đăng ký xe và thông tin Việt A cung cấp. Khi chị T2 viết xong nội dung thì H đã bảo chị T2 đi vào bên trong nhà, còn H tiếp tục ở lại quầy bán hàng và hướng dẫn Việt A ký vào giấy bán xe. Sau đó, H giữ lại giấy bán xe, xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô rồi đưa cho cháu Việt A số tiền 8.500.000 đồng (do đã trừ số tiền cắt lãi trước kỳ đầu 1.500.000 đồng). Ngày 01/9/2023, cháu Việt A cùng cháu L tiếp tục đến cửa hàng vàng bạc TĐ để trả cho H số tiền 1.500.000 đồng là tiền lãi của khoản vay trên. Đến ngày 06/10/2023, cháu Việt A cùng cháu L đến cửa hàng trả cho H số tiền vay gốc là 10.000.000 đồng và số tiền 250.000 đồng là tiền lãi từ ngày 02/10/2023 đến ngày 06/10/2023. Nhận tiền, H đã trả lại cho Việt A giấy bán xe, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và chiếc xe mô tô trên thì bị lực lượng Công an huyện Y phát hiện, lập biên bản, thu giữ vật chứng liên quan. Như vậy, tính đến ngày 06/10/2023 H cho Việt A vay là 67 ngày, tổng số tiền lãi Việt A đã trả cho H là 3.250.000 đồng; số tiền lãi tối đa H được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (lãi suất tối đa là 20%/năm) là 20% x 10.000.000đồng : 365 x 67 = 367.123 đồng. H đã thu lợi bất chính số tiền là 3.250.000 – 367.123 = **2.882.877 đồng**.

Tổng số tiền H thu lời bất chính từ việc cho những người trên vay được xác định là: 21.986.303 + 17.594.522 + 2.882.877 = **42.463.702 đồng**.

Tại Bản kết luận giám định số 294/KL-KTHS ngày 07/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H, kết luận:

- Chữ viết, chữ số trong quyển sổ tay kích thước (13 x 8,5) cm là của Nguyễn Văn H viết;

- Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Việt A dưới mục "NGƯỜI BÁN XE KÝ" và chữ số 0854846730 tại mục "ĐT" trên giấy bán xe đề ngày 01/8/2023 là của cháu Nguyễn Việt A;

- Chữ viết, chữ số trên giấy bán xe đề ngày 01/8/2023 *(trừ chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Việt A dưới mục "NGƯỜI BÁN XE KÝ" và chữ số 0854846730 tại mục "ĐT")* là của chị Đỗ Thị T2.

Kết quả điều tra không đủ căn cứ xác định chị Đỗ Thị T2 biết Nguyễn Văn H thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xám đen, biển số 89B1-915.04 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Bùi Quang H1 (là bạn của Việt A); ngày 01/8/2023, anh H1 biết và đồng ý cho Việt A mượn xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe để mang đi cầm cố. Anh H1 đã có đơn đề nghị nhận lại tài sản nên ngày 17/10/2023, Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại chiếc xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên cho chủ sở hữu.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu vàng, bên trong có lắp 01 thẻ sim xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Nguyễn Văn H, không liên quan đến tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã nhập kho vật chứng đối với tài sản này để chờ xử lý. Ngoài ra, Cơ quan điều tra cũng đã nộp toàn bộ số tiền 10.250.000 đồng đã thu giữ vào tài khoản tạm gửi của Công an huyện tại Kho bạc Nhà nước Y chờ xử lý.

Đối với 01 giấy bán xe, đề ngày 01/8/2023; 05 tờ giấy bán xe chưa ghi nội dung; 01 quyển sổ tay kích thước (13x8,5)cm bên trong có ghi các chữ và số tự nhiên xác định đều là công cụ, phương tiện phạm tội. Hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ số tiền lãi cháu Nguyễn Việt A, anh Nguyễn Đình Th, anh Nguyễn Đình T đã trả cho Nguyễn Văn H đều là tiền của các cá nhân này. Anh Th và anh T đều yêu cầu H phải trả lại cho mình số tiền đã thu lợi bất chính; còn cháu Việt A đề nghị xử lý số tiền H đã thu lợi bất chính theo quy định pháp luật.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số 04/QĐ-VKS-YM ngày 22/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố Nguyễn Văn H về tội: Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay:

Bị cáo H thành khẩn khai nhận hành vi của mình như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo công nhận đối với số tiền 30.000.000 đồng H sử dụng để cho anh Nguyễn Đình T, Nguyễn Đình Th, Nguyễn Việt A vay là tiền của cá nhân bị cáo, những người vay trên đã trả cho bị cáo, đối với số tiền bị cáo thu lãi vượt quy định của anh Th và anh T bị cáo đã trả lại toàn bộ cho những người này, còn của cháu Việt A bị cáo chưa trả vì chưa gặp được Việt A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà có quan điểm xác định sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, đề nghị HĐXX tiếp tục phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H số tiền từ 55.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, Tại lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn hối hận về hành vi của mình, đề nghị HĐXX xem xét cho hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, bị cáo và đại diện VKSND huyện Y đều đề nghị tiếp tục phiên tòa. Xét thấy: Quá trình điều tra, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có đầy đủ lời khai, trước khi mở phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định chữ viết, biên bản vụ việc, đơn xin đầu thú và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 31/7/2020 đến ngày 06/10/2023, tại cửa hàng vàng bạc TĐ có địa chỉ tại thôn B, xã Y, huyện Y; Nguyễn Văn H đã cho anh Nguyễn Đình Th, anh Nguyễn Đình T và cháu Nguyễn Việt A vay tiền trái quy định. Cụ thể: từ ngày 31/7/2020 đến ngày 31/01/2023 H cho anh Th vay số tiền 10.000.000 đồng, thoả thuận tiền lãi 3.000đồng/1 triệu đồng/ngày (tương đương lãi suất 109,5%/năm), trả lãi theo tháng, H đã thu lợi bất chính từ khoản vay của anh Th số tiền 21.986.303 đồng. Từ ngày 23/01/2021 đến ngày 23/01/2023, H đã cho anh Nguyễn Đình T vay số tiền 10.000.000 đồng, thoả thuận tiền lãi là 3.000đồng/1 triệu đồng/ngày (tương

đương lãi suất 109,5%/năm), trả lãi theo tháng, H đã thu lợi bất chính từ khoản vay của anh T số tiền 17.594.522 đồng. Từ ngày 01/8/2023 đến ngày 06/10/2023, H cho cháu Nguyễn Việt A vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi thỏa thuận là 5.000đồng/1 triệu đồng/ngày (tương đương lãi suất 182,5%/năm), trả lãi theo tháng, H đã thu lợi bất chính từ khoản vay của cháu Việt A số tiền 2.882.877 đồng. Bị cáo cho vay tiền với lãi suất cao gấp 5,475 lần và 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tổng số tiền H đã thu lãi là 51.850.000 đồng, trong đó đã thu lợi bất chính số tiền 42.463.702 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được việc cho vay với mức lãi suất cao hơn lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi vẫn cho vay và thu lợi bất chính số tiền lớn. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H truy tố bị cáo về hành vi và tội danh như nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:* Bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn của người vay tiền để cho vay với mức lãi suất cao hơn mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự nhằm mục đích thu lợi đã xâm phạm đến trật tự quản lý tín dụng của Nhà nước, gây thiệt hại đến lợi ích của người vay. Hành vi của bị cáo còn xâm phạm đến tình hình an ninh, chính trị, xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ra đầu thú; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có điều kiện về kinh tế, phạm tội vì mục đích lợi nhuận nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng bảo đảm tác dụng răn đe và giáo dục.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do hình phạt chính áp dụng là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền bị cáo cho vay và tiền lãi phát sinh từ khi vay đến khi người vay trả hết tiền gốc và lãi, HĐXX xét thấy:

Đối với số tiền 10.000.000 đồng H cho anh Nguyễn Đình Th vay, số tiền lãi cao nhất bị cáo được phép thu theo quy định là 5.013.697 đồng và tiền lãi bị cáo thu vượt quy định là 21.986.303 đồng. Anh Th đã trả lại bị cáo số tiền gốc 10.000.000 đồng, bị cáo đã hoàn trả anh Th số tiền lãi 21.986.303 đồng đã thu vượt quy định của pháp luật, anh Th không có yêu cầu gì.

Đối với anh Nguyễn Đình T vay H số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi cao nhất bị cáo được phép thu theo quy định là 4.005.478 đồng, tiền lãi bị cáo thu vượt quy định là 17.594.522 đồng. Anh T đã trả lại bị cáo số tiền gốc 10.000.000 đồng, bị cáo đã hoàn trả anh T số tiền lãi đã thu vượt quy định nêu trên và anh T không có yêu cầu gì.

Đối với cháu Nguyễn Việt A vay H số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi bị cáo được phép thu theo quy định là 367.123 đồng, tiền lãi bị cáo thu vượt quy định là 2.882.877 đồng. Việt A đã trả lại bị cáo số tiền gốc 10.000.000 đồng, đối với số tiền lãi vượt quá quy định, cháu Việt A đề nghị tòa án buộc bị cáo trả lại cho cháu.

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự,HĐXX, thấy cần truy thu của bị cáo H tổng số tiền 39.386.298 đồng (số tiền gốc và tiền lãi thu theo quy định) nộp ngân sách nhà nước được đối trừ với số tiền 10.250.000 đồng bị cáo đã giao nộp trong giai đoạn điều tra, bị cáo còn phải nộp lại số tiền 29.136.298 đồng. Buộc bị cáo trả lại cho cháu Nguyễn Việt A số tiền 2.882.877 đồng. Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính của các anh Nguyễn Đình T và Nguyễn Đình Th, bị cáo đã hoàn trả cho người vay nên không đặt ra xem xét.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu vàng là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

2. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 55.000.000 đồng (Năm mươi năm triệu đồng) nộp Ngân sách nhà nước.

4. Về biện pháp tư pháp:

Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 39.386.298 đồng (Ba mươi chín triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi tám đồng) nộp Ngân sách nhà nước, đối trừ với số tiền 10.250.000 đồng (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) bị cáo đã giao nộp trong giai đoạn điều tra, bị cáo tiếp tục bị truy thu số tiền 29.136.298 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi tám đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H trả lại cho cháu Nguyễn Việt A số tiền 2.882.877 đồng (Hai triệu tám trăm tám mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi báy đồng).

5. Về vật chứng:

Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu vàng.

(Đặc điểm chi tiết của vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 02/01/2024 giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tiền theo Ủy nhiệm chi ngày 02/01/2024 của Công an huyện Y).

6. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh H;
- VKS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên